

Bản án số: 17/2023/HS-ST

Ngày 21/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Thanh Tâm

Ông Võ Văn Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa: Ông Hà Quang Duy và ông Nguyễn Thanh Nhị -Kiểm sát viên.

Ngày 21-8-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2023/TLST-HS ngày 31-7-2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HS ngày 04-8-2023 đối với bị cáo:

Lý B, sinh ngày 11-11-2000 tại tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; Con ông Lý E và bà Thạch Thị Sa B; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 lần, vào ngày 15-6-2020, bị Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn là 18 tháng tại Quyết định số 14/QĐ-TA, đến ngày 23-4-2021 bị cáo chấp hành xong nhưng lần phạm tội này của bị cáo chưa được coi là chưa bị xử lý hành chính; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01-5-2023 cho đến nay. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Văn N-Cộng tác viên của Trung Tâm Trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị hại:

1. Ông Thạch T, sinh năm 1963; Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Ông Danh Săng H, sinh năm 1983; Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Dương Thanh D, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Ấp 4, thị trấn P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Ông Võ Quốc C, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Ấp 4, thị trấn P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông Trà Trường G-Bí thư Chi bộ ấp M, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 12-3-2023, ông Thạch T điều khiển xe mô tô biển số 83P1-605.92 từ nhà thuộc ấp T, xã H đến đất ruộng ở cùng ấp để cắt cỏ cho bò ăn. Khi đến nơi, ông T đậu xe 83P1-605.92 trên đất ruộng nhưng vẫn cắm chìa khóa trong ổ khóa xe rồi đi cắt cỏ. Lúc này, sau khi đi nhậu về ngang chỗ xe 83P1-605.92 đang đậu, Lý B thấy chìa khóa vẫn cắm trong ổ khóa xe và không có người trông coi nên B nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe này. B lên xe mở chìa khóa và khởi động rồi điều khiển xe mô tô 83P1-605.92 chạy đến vừa thu mua phế liệu của ông Dương Thanh D tại Ấp 4, thị trấn P, huyện Long Phú và bán xe mô tô 83P1-605.92 cho ông D với giá 700.000 đồng. Sau đó, Lý B tháo biển số 83P1-605.92 của xe ra và cầm biển số đi về nhà rồi vứt biển số 83P1-605.92 xuống kênh nhưng không nhớ vị trí cụ thể và tiếp tục đi về nhà. Khi ông Thương phát hiện xe mô tô bị mất thì đã trình báo Công an xã H. Qua rà soát đối tượng nghi vấn, Công an đã mời Lý B lên làm việc thì Lý B thừa nhận hành vi phạm tội.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 04/KL-HĐĐGTS ngày 13-3-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Long Phú đã kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu FULJIR, máy xe có chữ LONCIN, thân xe có chữ Dream II, màu nâu, số máy MG01932883, số khung 1003502383, không gắn biển kiểm soát (qua tra cứu là xe mô tô biển số 83P1-605.92), trị giá là 2.500.000 đồng.

Ngày 13-3-2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Phú đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn cầm đi khỏi nơi cư trú đối với Lý B. Tuy nhiên, trong thời gian được áp dụng biện pháp ngăn chặn cầm đi khỏi nơi cư trú thì Lý B lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 30-4-2023, khi đang ngồi nhậu tại nhà thì Lý B nhìn thấy ông Danh Săng H điều khiển xe mô tô không có biển số đậu trên bờ kênh gần nhà Lý B và đi xuống ruộng để cắt cỏ cho bò ăn. Lúc này, Lý B nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô 95F1-3719 nên đi lại chỗ xe

95F1-3719 đang đậu. B lên xe và đạp máy thì khởi động xe và điều khiển xe 95F1-3719 đến vừa thu mua phế liệu của anh Võ Quốc C tại Ấp 4, thị trấn P, huyện L và bán xe 95F1-3719 cho anh C với giá 600.000 đồng. Đến khoảng 14 giờ 45 phút cùng này, ông Danh Sảng H phát hiện xe mô tô 95F1-3719 bị mất nên đã trình báo Công an xã H. Công an xã H mời Lý B lên để làm việc thì Lý B thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 10/KL-HĐĐGTS ngày 29-5-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Long Phú đã kết luận: 01 xe mô tô có dàn áo màu xanh, dàn áo bị vỡ nhiều vị trí, số máy P52FMH320322462, số khung ABCH22SA013194, xe không có biển kiểm soát và gương chiếu hậu bên phải, không có phần gương của gương chiếu hậu bên trái (qua tra cứu là xe mô tô 95F1-3719), trị giá 2.400.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 15/CT-VKSLP ngày 31-7-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú đã truy tố bị cáo Lý B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Bị cáo Lý B phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không đề cập xử lý. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Võ Quốc C không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập xử lý.

Áp dụng Điều 584; Điều 586 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Buộc bị cáo bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Dương Thanh D số tiền là 700.000 đồng.

Về án phí sơ thẩm: Đề nghị xem xét miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị hại ông Thạch T thừa nhận đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường. Về hình phạt yêu cầu xử phạt bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo thống nhất Cáo trạng đã truy tố bị cáo, cũng như thống nhất về tội danh và việc áp dụng pháp luật đối với bị cáo như Kiểm sát viên đề nghị. Riêng về hình phạt do bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt, không được học hành và gia đình ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo 01 năm tù là phù hợp. Mặt khác, thống nhất bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Dương Thanh Dũng số tiền là 700.000 đồng và đề nghị xem xét miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng tội. Bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị hại là ông Danh Săng H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Dương Danh D, ông Võ Quốc C. Xét thấy, trong quá trình Điều tra thì những người nêu trên đã có lời khai rõ ràng về các tình tiết của vụ án và việc vắng mặt cũng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào Điều 292 và Điều 299 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người nêu trên.

[3]. Lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định:

Đối với bị cáo Lý B là người không có nghề nghiệp ổn định vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ ngày 12-3-2023 đến ngày 30-4-2023, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của các bị hại rồi lén lút 02 lần chiếm đoạt tài sản của các bị hại là 01 xe mô tô 83P1-605.92 và 01 xe mô tô có dàn áo màu xanh, xe không có biển kiểm soát rồi đem đi tiêu thụ. Qua định giá tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại có tổng giá trị là 4.900.000 đồng. Hành vi của bị cáo là gây nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của những người bị hại một cách trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Lý B phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Khi lượng hình và quyết định mức hình phạt, cần xem xét đến tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng,

Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng vì đã 02 lần chiếm đoạt tài sản của bị hại có giá trị từ 2.000.000 đồng trở lên nên phạm tội thuộc tình tiết tăng nặng

là phạm tội hai lần trở. Cần áp dụng điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, tài sản đã kịp thời thu hồi trả lại bị hại nên bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo là người dân tộc Khmer lại không biết chữ và cư trú ở vùng kinh tế-xã hội khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5]. Đối với Dương Thanh D và Võ Quốc C là người mua các xe mô tô của bị cáo nhưng không biết xe do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là Thạch T và ông Danh Săng H đã nhận lại tài sản và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Võ Quốc C đều không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Dương Thanh D yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 700.000 đồng và bị cáo cũng đồng ý bồi thường. Xét thấy, việc yêu cầu bồi thường của ông D là đúng quy định pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị cáo bồi thường cho ông D số tiền là 700.000 đồng.

[7]. Về án phí: Tại phiên tòa, do bị cáo không biết chữ nên trình bày xin miễn toàn bộ án phí và Kiểm sát viên, người bào chữa cũng đề nghị miễn án phí sơ thẩm cho bị cáo. Xét thấy, do bị cáo là người dân tộc Khmer sống tại vùng kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8]. Xét lời đề nghị Kiểm sát viên và người bào chữa về tội danh và việc áp dụng pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Riêng về hình phạt việc người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo 01 năm tù là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, chưa thể hiện tính răn đe vì bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách liên tục trong thời gian ngắn và đã bị Cơ quan có thẩm quyền phát hiện nhưng chưa thể hiện sự ăn năn, hơn nữa hiện nay tình hình tội phạm tại địa phương ngày càng gia tăng, nhất là các loại tội về xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác trái pháp luật, với hình thức và thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, gây mất an ninh trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc hơn thì mới đủ tính răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân tốt biết tôn trọng pháp luật cũng như đảm bảo cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 38; Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lý B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Xử phạt bị cáo Lý B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01-5-2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Thạch T, ông Danh Săng H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Võ Quốc C không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Buộc bị cáo Lý B bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Dương Thanh D số tiền là 700.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Dương Thanh D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì Lý B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc bị cáo được miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án

Dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Đội Tổng hợp–CA huyện Long Phú;
- CQTHAHS–CA huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- UBND xã Tân Hưng, huyện Long Phú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Bảo Quốc

